

Bảng 5. Lưu hành bệnh cúm gia cầm tại Quảng Ninh giai đoạn 2013-2018

Năm	Σ gia cầm	Gia cầm mắc cúm	Tỷ lệ lưu hành bệnh/100.000 con
2013	2.526.720	17.058	675,10
2014	2.578.300	851	33,01
2015	2.741.395	2.300	83,90
2016	2.882.200	10.572	366,80
2017	3.222.820	10.915	338,68
2018	3.317.000	9.010	271,63

Tỷ lệ lưu hành bệnh cúm gia cầm cao nhất vào năm 2013 (0,67%), sau đó đến năm 2016 và 2017 (0,36 và 0,33%), năm 2018 là 0,27%; năm 2014 và 2015 có tỷ lệ lưu hành bệnh cúm gia cầm thấp nhất (0,03 và 0,08%). Như vậy, tỷ lệ lưu hành bệnh cúm gia cầm tại Quảng Ninh là tương đối thấp nhưng duy trì đều đặn qua các năm, vì vậy, dịch cúm gia cầm vẫn thường xuyên xuất hiện tại địa phương nghiên cứu.

4. KẾT LUẬN

Dịch cúm gia cầm tại tỉnh Quảng Ninh diễn biến phức tạp trong 6 năm (2013-2018). Tỷ lệ mắc bệnh cúm thay đổi theo loại gia cầm, trong đó cao nhất ở gà (61,28%). Bệnh cúm gia cầm xảy ra quanh năm tại Quảng Ninh nhưng

tập trung chủ yếu vào vụ Đông-Xuân. Tỷ lệ lưu hành bệnh cúm gia cầm tại Quảng Ninh tương đối thấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alexander D.J. (1993). Orthomyxovirus Infections, Viral Infections of Vertebrates, III: 277-16.
- Chi cục Chăn nuôi và Thú Y tỉnh Quảng Ninh (2018) Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm giai đoạn 2014-2018.
- Cục Thú y (2004). Bệnh cúm ở gia cầm và biện pháp phòng chống. NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Thị Dăng (2010). Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ, sự lưu hành của bệnh cúm gia cầm và liệu qua sử dụng vaccine trong thực địa tỉnh Bắc Ninh, Luận văn Thạc sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
- Fuller T.L., Ducatez M.F., Njabo K.Y., Couacy-Hymann E., Chasar A., Aplogan G.L., Lao S., Awoume F., Têhou A., Langeois Q., Krauss S. and Smith T.B. (2015). Avian influenza surveillance in Central and West Africa 2010-2014. Epidemiol Infect., 143(10): 2205-12
- Ito T. and Kawaoka Y. (1998). Avian influenza, K.G. Nicholson, R.G. Webster and A J Hay (ed.), Textbook of influenza, Blackwell Sciences Ltd, Oxford, United Kingdom. Pp 126-36.
- Trần Văn Phúc (2015). Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ, sự lưu hành của virus cúm gia cầm và hiệu quả sử dụng vaccine H5N1 trong thực địa tại tỉnh Thái Nguyên, Luận văn Thạc sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
- Nguyễn Văn Thiện (2015). Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi, NXB Nông nghiệp, 2008.
- Trần Thị Trúc (2013) Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và biến đổi bệnh lý của bệnh cúm gia cầm type A/H5N1 tại tỉnh Bắc Giang, Luận văn Thạc sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM HÀNH VI CỦA GIỐNG CHÓ BÀN ĐỊA DẠNG SÓI TRONG LỰA CHỌN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ

Trần Hữu Côi¹, Ngô Quang Đức¹, Bùi Xuân Phương¹, Phạm Thanh Hải² và Nguyễn Văn Thanh³

Ngày nhận bài báo: 01/03/2019 - Ngày nhận bài phản biện: 30/03/2019

Ngày bài báo được chấp nhận đăng: 14/04/2019

TÓM TẮT

Theo hệ thống phân loại FCI (Federation Cynology International), giống chó bàn địa dạng soi thuộc nhóm 5 (nhóm chó Spitz và chó cò xùa), phân nhóm 5 (Chó Spitz châu Á và các giống liên quan). Đây là giống chó ban địa Việt Nam, phân bố chủ yếu ở khu vực Sóng Mã, Thanh Hoá, chúng có những đặc điểm về hành vi đáp ứng yêu cầu huấn luyện làm chó nghiệp vụ. Giống chó dạng soi có phản ứng tìm kiếm bằng khứu giác 92,33%, phản ứng thức ăn 84,67% và phản ứng định hướng 77%. Đây là những tính trạng trội của hành vi bắt buộc và cần thiết để huấn luyện chó tìm kiếm phát hiện bom mìn. Giống chó dạng soi có loại hình thần kinh mạnh cân bằng linh hoạt chiếm tỷ lệ cao (49,33%), đáp ứng được yêu cầu về mặt thần kinh trong huấn luyện tìm kiếm, phát hiện bom mìn. Chúng giao tiếp ở mức trung bình khá, mức độ hoạt động mạnh, độc lập thể hiện độ linh

¹ Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga/Bộ quốc Phòng

² Học Viện Nông nghiệp Việt Nam

³ Tác giả liên hệ: Th.S. Trần Hữu Côi, Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga/Bộ quốc Phòng, ĐT: 0989646965 Email: trancoiercto@gmail.com.

hoạt trong quá trình sống; không thích thú cũng như không tích cực trong việc chơi đùa chung với những thể hiện tốt khi tiếp xúc với với các yếu tố bất ngờ như tiếng ồn hay người lạ. Sự sợ hãi giảm dần theo các lần tiếp cận và nhận biết được nguồn gây kích thích.

Từ khóa: Chó bản địa dạng sói, hành vi của chó.

ABSTRACT

Some behavioral characteristics of Vietnamese indigenous wolf form dog breed

According to FCI (Federation Cynology International) classification system, Indigenous breed wolf form breed domestic dog belongs to Group 5- Spitz and Primitive types, Section 5: Asian Spitz and related breeds. This is indigenous Domestic Vietnamese dog breed, mainly distributed in Song Ma area, Thanh Hoa province, they have behavioral characteristics that meet the training requirements of a professional dog. Indigenous wolf form dog breed have an olfactory search reaction of 92.33%, feed response 84.67% and orientation reaction 77%. These are dominant characteristics of mandatory behavior and are necessary to train search dogs to detect mines. They have a strong, flexible, balanced nerve accounting for a high proportion of 49.33%, meeting the neurological requirements in search and mine detection training, their communicate fairly well, the level of activity is strong and independent, showing the flexibility in the life process, do not enjoy nor actively play, perform well when exposed to unexpected factors such as noise or strangers. Fear diminishes with access and recognizes the source of irritation.

Key word: Indigenous wolf form dog breed, behavior of dogs.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chó dạng sói là một giống chó bản địa phân bố chủ yếu khu vực Sông Mã, tỉnh Thanh Hoá. Người dân sử dụng giống chó này làm chó săn, chó canh gác và một số mục đích khác phục vụ nhu cầu của đời sống.

Hành vi của chó nhà là một loạt các hoạt động, tính cách của con chó trước những tác động của bản thân và môi trường sống bao gồm cả các sinh vật xung quanh cũng như những vật chất vô sinh. Đây là những phản ứng của chó với các kích thích từ bản thân nó mong muốn hay không, nhận thức được hay không nhận thức được (Dog behavior, 2019). Hành vi của các giống chó khác nhau có sự khác nhau do đặc điểm của từng giống và là kết quả của quá trình chọn lọc nhân giống và sử dụng, các giống chó có tính xã hội cao thì ít sợ hãi và ít hung hăng hơn những giống chó có tính xã hội thấp (Helena và ctv, 2015).

Căn cứ vào tính trội của phản ứng này hay phản ứng kia ở từng cá thể mà lựa chọn phương pháp sử dụng kích thích không điều kiện trong huấn luyện từng con (Bộ Công An, 1999). Ở mỗi giai đoạn hành vi của chó thay đổi khác nhau vì căn cứ vào đó người ta sẽ dễ dàng tuyển chọn chó cho phù hợp

với từng chuyên khoa nghiệp vụ (Aleksyayev, 2007). Trong khuôn khổ của đề tài “Nghiên cứu lựa chọn và huấn luyện giống chó bản địa dạng sói phục vụ tìm kiếm, phát hiện bom mìn còn lại sau chiến tranh tại Việt Nam”, nhằm đánh giá được một số tính trạng trội của chó dạng sói trong công tác huấn luyện chó nghiệp vụ, góp phần vào công tác tuyển chọn và huấn luyện chó nghiệp vụ tìm kiếm phát hiện bom mìn, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu nội dung “Đặc điểm hành vi của giống chó bản địa dạng sói trong huấn luyện nghiệp vụ”.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm

Tổng số 300 cá thể chó dạng sói (>10 tháng tuổi) được sử dụng nghiên cứu trên thực địa tại khu vực Sông mã và phụ cận, chó được nhân nuôi tại Trạm thử nghiệm tự nhiên Hoà Lạc/Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga, Trường Trung cấp 24 Biên phòng/BTLBĐ Biên Phòng để xác định các đặc điểm về thân kinh, hành vi của chó bản địa dạng sói, từ tháng 12/2016 đến 12/2018.

2.2. Phương pháp

2.2.1. Đánh giá tính trạng trội hành vi của chó dạng sói

Kiểm tra đánh giá các tình trạng trội hành vi và dạng thần kinh của chó đang sôi dựa trên các phản ứng của chó trước những kích thích và tác động của người lạ (Aleksyayev, 2007), được tiến hành trên thực địa và tại Trạm thú nghiệm tổng hợp Hòa Lạc.

a. *Trội hành vi gồm các phản ứng:* Lệ thuộc, phồng thú chủ động, phồng thú bị động, tìm kiếm bằng khứu giác, thức ăn và định hướng.

b. *Dạng thần kinh:* Mạnh không cân bằng hưng phấn, mạnh cân bằng linh hoạt, mạnh cân bằng không linh hoạt và yếu ức chế.

2.2.2. Đánh giá hành vi xã hội của chó dạng sôi

a. *Hành vi giao tiếp:* Các cuộc thử nghiệm được tiến hành trên một bãi trống quen thuộc với chó, có kích thước 10x10m. Chó đứng bên cạnh người dắt chó, được xích bằng dây dắt chó dài 1m. Chuyên gia thử nghiệm tiến đến phía chó dùng và cố gắng giao tiếp với nó bằng cách nói chuyện. Sau đó, chuyên gia thử nghiệm nắm lấy dây dắt chó từ tay chủ chó và cố gắng dắt chó đi xa với khoảng cách khoảng 10m, và sau đó dắt chó trở lại. Ở bên cạnh chủ chó, chuyên gia thử nghiệm xoa vuốt đầu chó, xem xét nó từ các phía, thăm chí ca mồm chó.

b. *Mức độ hoạt động:* Các thử nghiệm được tiến hành trên một bãi đất trống quen thuộc với chó, kích thước 20x20m. Người dắt chó đứng cùng với chó ở trung tâm vòng tròn vẽ trên mặt đất có đường kính 1,5m. Tiếp theo trên mặt đất vẽ 10 vòng tròn đồng tâm với cự ly cách nhau 1 m. Người dắt chó và chó đứng yên tại chỗ mà chuyên gia thử nghiệm chỉ định trong khoảng 3 phút. Khoảng cách từ nơi chó đứng tới những người quan sát là khoảng 10m. Người dắt chó không tham gia vào cuộc thử nghiệm, chó có thể đi chuyển tự do với dây dắt dài

c. *Hành vi đối với người lạ:* Trong thử nghiệm này, hai cây gỗ cách nhau 4m được gắn một xà ngang ở độ cao cách mặt đất 2m. Qua thanh xà có đồng xuống một sợi dây thừng mà một đầu của nó được buộc vào một bộ đồng phục áo liền quần trên mặt áo nằm trên mặt đất. Người dắt chó và chó có buộc dây dắt tiến gần đến nơi đó. Khi cách nơi này khoảng ba mét, một người dùng khuất phía sau sẽ kéo bộ đồng phục áo liền quần lên cao bằng

dây thừng. Trong tay áo có đặt thanh gỗ làm cánh tay giả, khi kéo dây thừng chúng giang rộng về hai phía, còn quần được gắn chặt trên mặt đất. Sau khi được nâng lên cao, bộ đồng phục áo liền quần không được đi chuyển. Sau khi bộ đồng phục áo liền quần được dựng trên mặt đất, người dắt chó buộc dây buộc, dùng lại và thể hiện một số động tác nhằm thông báo cho chó biết phía trước có "người lạ". Khoảng 15 giây sau khi bộ đồng phục áo liền quần được hạ xuống mặt đất, theo chỉ dẫn của chuyên gia thử nghiệm, người dắt chó đi một nửa đoạn đường tới nơi đặt bộ đồng phục áo liền quần. Sau 15 giây nữa người dắt chó tiến tới sát bộ đồng phục áo liền quần và "nói chuyện" với bộ đồng phục áo liền quần. Ở phần hai của cuộc thử nghiệm, người dắt chó có dây buộc đi hai lần qua bộ đồng phục áo liền quần được treo.

d. *Hành vi với đồ chơi:* "Người lạ" và người dắt chó tung cho nhau hai lần một đồ chơi - đó là một sợi dây thừng to để kéo (dài 50cm, dày 5cm). Sau đó, "người lạ" ném đồ chơi ra xa khoảng 10m. Tiếp theo tiến hành quan sát hành vi của chó và cách nó thu lượm đồ chơi. Bài tập này được lặp đi lặp lại hai lần. Sau lần thứ hai, "người lạ" cố gắng lôi kéo chó vào cuộc đùa chơi tranh giành đồ chơi, tiến hành sự tranh giành tích cực và không tích cực xen kẽ nhau (khoảng 5 giây).

e. *Hành vi với tiếng ồn:* Người dắt chó và chó được buộc dây chuyên dùng theo lộ trình đã được chuyên gia thử nghiệm chỉ ra. Ở khoảng cách khoảng 2m cách lộ trình có đặt một tấm tôn sóng được ngụy trang kín, và trên tấm tôn đó tiến hành kéo trượt những thanh kim loại được buộc vào dây thừng. Tiếng ồn kéo dài khoảng 3 giây. Tương tự như ở bài kiểm tra số 6, ở đây quan sát phản ứng của chó lên các tiếng động kích thích, đồng thời cũng xem xét, liệu chó có chút sợ hãi nào không sau khi ngừng gây tiếng động. Hành vi của chó được ghi nhận bằng phương pháp mô tả, ghi hình và đánh giá theo thang điểm 5.

2.3. Thu và xử lý số liệu

Số liệu được thu dựa trên kết quả đánh giá thông qua hệ thống thang điểm, mức độ

đánh giá của phương pháp trên và được xử lý thống kê bằng phần mềm Excell 2010, với độ tin cậy $\alpha=0,05$.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình trạng trại hành vi của chó dạng sói

Các tình trạng trại của một giống chó có ý nghĩa lớn trong việc quyết định loại thần kinh của giống cũng như có vai trò quan trọng trong công tác huấn luyện chó nghiệp vụ. Bằng những phân ứng thử nhanh trên thực địa chúng tôi tiến hành khảo sát một số tình trạng trại của giống chó dạng sói. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Tình trạng trại hành vi của chó dạng sói

Phản ứng	n	Tỷ lệ (%)
Lệ thuộc	134	44,67
Phòng thủ chủ động	215	71,67
Phòng thủ bị động	85	28,33
Tìm kiếm bằng khứu giác	277	92,33
Thức ăn	254	84,67
Định hướng	231	77,00

Phần lớn giống chó dạng sói có phản ứng tìm kiếm bằng khứu giác lên đến 92,33% và phòng thủ chủ động với tỷ lệ 71,67%. Bên cạnh đó, giống dạng sói cũng có những phản ứng tích cực cho công tác huấn luyện như phản ứng thức ăn 84,67% và phản ứng định hướng 77%. Tuy nhiên, cũng có một số lượng nhất định có phản ứng phòng thủ bị động với tỷ lệ đạt 28,33%.

Nguyên nhân hình thành các tình trạng trại như vậy một phần do gen, đặc tính riêng của giống chó dạng sói, một phần do môi trường tác động. Qua quan sát thực tế cho thấy những cá thể có phản ứng phòng thủ bị động thường có ít sự quan tâm của người dân, ít tiếp xúc với con người nên khi gặp người lạ chúng luôn đề cao cảnh giác quan sát xung quanh, to ra sọ sệt. Ngược lại, những cá thể có phản ứng phòng thủ chủ động được nuôi dưỡng chăm sóc tốt hơn.

Như vậy, giống chó dạng sói có những tình trạng trại của hành vi đáp ứng được yêu cầu của cho tìm kiếm, phát hiện bom mìn đó là tình trạng về tìm kiếm bằng khứu giác, phản ứng thức ăn và phản ứng định hướng.

3.2. Đặc điểm dạng thần kinh của chó dạng sói

Việc nghiên cứu các đặc điểm của dạng thần kinh được tiến hành trong quá trình tuyển chọn chó vào huấn luyện. Xác định được các dạng thần kinh của chó cho phép người huấn luyện viên đưa ra được phương pháp huấn luyện phù hợp với từng đặc điểm riêng của cá thể chó.

Đánh giá sơ bộ loại thần kinh của chúng (bảng 2) cho thấy loại hình thần kinh của chó bản địa dạng sói tồn tại ở ca 4 dạng là: mạnh không cân bằng hưng phấn, mạnh cân bằng linh hoạt, mạnh cân bằng không linh hoạt và yếu ức chế. Trong huấn luyện và sử dụng chó tìm kiếm và phát hiện bom mìn, loại hình thần kinh mạnh cân bằng linh hoạt được đánh giá cao nhất và được ưu tiên lựa chọn đầu tiên, ngược lại loại hình thần kinh yếu ức chế được đánh giá thấp nhất.

Bảng 2. Đặc điểm thần kinh của chó dạng sói

Dạng thần kinh	n	Tỷ lệ (%)
Mạnh không cân bằng hưng phấn	69	23,00
Mạnh cân bằng linh hoạt	148	49,33
Mạnh cân bằng không linh hoạt	61	20,33
Yếu ức chế	22	7,33

Giống chó dạng sói có loại hình thần kinh mạnh cân bằng linh hoạt chiếm tỷ lệ cao nhất (49,33%). Dạng mạnh cân bằng linh hoạt và cân bằng không linh hoạt chiếm tỷ lệ lần lượt là 23,00 và 20,33%. Dạng thần kinh yếu ức chế chỉ chiếm 7,33%.

Như vậy, với tỷ lệ các dạng thần kinh mạnh, cân bằng linh hoạt chiếm tỷ lệ 49,33%, chó dạng sói đáp ứng được yêu cầu về mặt thần kinh trong huấn luyện tìm kiếm, phát hiện bom mìn.

3.3. Đặc điểm hành vi của chó dạng sói

3.3.1. Hành vi giao tiếp

Hành vi giao tiếp là hành vi quan trọng đối với các giống chó nghiệp vụ bởi giữa huấn luyện viên, người sử dụng chó và chó có quan hệ tốt, tin tưởng và trung thành thì hiệu quả công việc được nâng cao. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mối quan hệ của

chủ với chó có ảnh hưởng đến sự hình thành các hành vi của chó và ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của chúng (Topal và ctv, 1997). Với vai trò đó, để tài đã tiến hành nghiên cứu hành vi quan hệ xã hội của giống chó dạng sói.

Nhìn chung, giống chó bản địa dạng sói có mức độ hành vi giao tiếp ở mức trung bình khá. Ở giai đoạn ban đầu của quá trình giao tiếp thì chúng có tiếp nhận sự giao tiếp nhưng hầu như không đáp trả lại sự giao tiếp đó (4,09±0,09đ). Ở giai đoạn tiếp theo, đạt 3,92±0,09đ khi bắt đi chó vẫn theo nhưng không đi sát với người dắt. Tuy nhiên, sang giai đoạn cuối của quá trình giao tiếp thì chúng lại bình tĩnh tiếp nhận sự vuốt ve của người dắt chó (4,27±0,11đ) Với những đặc điểm như trên, chúng đáp ứng được khả năng huấn luyện tìm kiếm phát hiện bom mìn

Bảng 3. Điểm hành vi giao tiếp của chó

Hành vi của chó	Mean±SE	CV (%)
Bắt đầu giao tiếp	4,09±0,09	11,58
Quan hệ qua lại	3,92±0,09	11,85
Giao tiếp bằng cơ thể	4,27±0,11	12,83

3.3.2. Hành vi hoạt động

Đôi với động vật nói chung, đặc biệt là động vật săn mồi, hoạt động là hành vi không thể thiếu. Đối với chó nghiệp vụ mức độ hoạt động thể hiện tính linh hoạt trong các hoạt động sống và làm việc. Giống chó bản địa dạng sói có điểm hoạt động đạt mức khá cao (4,37±0,10đ), với hệ số biến động là 12,02%. Như vậy, giống chó bản địa dạng sói là giống chó có thần kinh linh hoạt, ưa hoạt động và được giao tiếp, tiếp xúc với con người thường xuyên.

3.3.3. Hành vi của chó đối với người lạ

Chó luôn có những phản ứng mạnh đối với các kích thích bất ngờ từ môi trường bên ngoài. Những phản ứng đó được thể hiện ra ngoài qua các trạng thái hành vi của chó khi tiếp xúc với các kích thích. Ở đây, chỉ xét đến 4 hành vi của chó là "Sợ hãi", "Đe dọa tấn công", "Tò mò" và "Sợ hãi còn đọng lại" (Bảng 4).

Giống chó dạng sói có hành vi sợ hãi trước yếu tố kích thích là người lạ bất ngờ, song mức độ sợ hãi có sự thay đổi, sự sợ hãi

đã được giảm đi sau khi chó được tiếp xúc với kích thích. Điều này được thể hiện qua sự sợ hãi còn đọng lại giảm hơn so với sợ hãi ban đầu. Cụ thể, ban đầu sự sợ hãi được đánh giá trung bình của các giống chó nghiệp vụ là 2,06±0,05 đ, sau khi tiếp xúc và nhận biết được kích thích thì sự sợ hãi trung bình đã giảm xuống còn 1,94±0,05đ.

Bảng 4. Điểm hành vi của chó đối với người lạ

Hành vi khi người lạ xuất hiện	Mean±SE	CV (%)
Sợ hãi *	2,06±0,05	11,59
Đe dọa và tấn công	2,09±0,07	13,76
Tò mò	4,21±0,10	11,84
Sợ hãi còn đọng lại *	1,94±0,05	12,30

* Điểm số càng thấp thì càng tốt.

Qua bảng 4 cũng cho thấy hành vi đe dọa tấn công thể hiện ở giống chó dạng sói không mạnh mẽ. Ngược lại tính tò mò thể hiện cao nhất với số điểm 4,21±0,1đ. Đây là một trong những hành vi có ích đối với các giống chó nghiệp vụ tìm kiếm phát hiện bom mìn, cứu hộ, cứu nạn.

3.3.4. Hành vi của chó với đồ chơi

Hành vi chơi đùa thể hiện trạng thái hưng phấn, kích thích của con chó mặt khác thông qua chơi đùa hình thành các hành vi, kỹ năng sống trong cuộc sống của chó (Ward và ctv, 2008). Chơi đùa cũng là một trong những điều kiện cần thiết trong những phương pháp huấn luyện chó nghiệp vụ hiện nay. Để đánh giá các hành vi trong việc chơi đùa của chó chúng tôi theo dõi 3 hành vi "Muốn chơi với đồ chơi", "Nhặt đồ chơi từ đất lên" và "Giành giật và co kéo".

Bảng 5. Điểm hành vi của chó với đồ chơi

Hành vi chơi đùa	Mean±SE	CV (%)
Muốn chơi với đồ chơi	2,61±0,1	18,78
Nhặt đồ chơi từ đất lên	2,84±0,09	16,39
Giành giật và co kéo	2,59±0,1	19,09

Kết quả chỉ ra rằng giống chó được nghiên cứu hầu như không có phản ứng chơi đùa, điểm đánh giá trung bình chung ở hành vi muốn chơi là 2,61±0,1đ; hành vi cắn vật là 2,84±0,09đ và hành vi giành giật là 2,59±0,1đ.

Yorkshire) và VCN03 (Yorkshire x Landrace) lần lượt với 2,69; 2,73; 2,76 và 2,79kg (Đoàn Văn Soan và Đặng Vũ Bình, 2010); lợn lai giữa đực Landrace và Duroc, với nái F_1 (Landrace x Yorkshire) lần lượt là 2,57 và 2,52kg (Nguyễn Văn Thắng và Vũ Đình Tôn, 2010).

Lợn cái LRYSMS có dày mỡ lưng tại điểm P_2 là 14,40mm. Theo Trvidon (2000), số con sơ sinh nhiều nhất ở lợn nái có dày mỡ lưng ≥ 14 mm. Tác giả Nguyễn Đức Hùng và Đặng Văn Nghiệp (2012) cho biết dày mỡ lưng ảnh hưởng rất rõ rệt tới số con sơ sinh/ổ và số con sơ sinh sống/ổ của lợn nái VCN21 và VCN22. Tác giả cũng khẳng định lợn nái có dày mỡ lưng < 15 mm số con sơ sinh/ổ và số con sơ sinh sống/ổ cao hơn lợn nái có dày mỡ lưng > 15 mm. Như vậy, dày mỡ lưng của lợn cái LRYSMS nằm trong ngưỡng dày mỡ lưng của lợn nái có thể cho số con sơ sinh sống/ổ cao nhất.

Đày cơ thân là 50,16mm. Tỷ lệ nạc của lợn cái LRYSMS là 56,17%, thấp hơn tỷ lệ nạc của lợn đực LRYSMS. Tỷ lệ nạc của lợn LRYSMS cao hơn so với lợn lai F_1 (Pietrain x VCN-MS15) và F_1 (Duroc x VCN-MS15) lần lượt với 51,76 và 51,16% (Lê Đức Thọ và ctv, 2015),

cao hơn so với lợn F_1 (Pietrain x Móng Cái) với 47,53% (Phùng Thăng Long, 2003) với 44,01% (Nguyễn Văn Thắng và Đặng Vũ Bình, 2004). Kết quả này cho thấy lợn LRYSMS có triển vọng cho thịt cao.

3. Kết luận

Lợn đực LRYSMS có tăng khối lượng/ngày đạt 778,4 g/ngày, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đạt 2,64kg, dày mỡ lưng đạt 13,59mm và tỷ lệ nạc đạt 57,10%.

Lợn cái LRYSMS có tăng khối lượng đạt 746,8 g/ngày, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đạt 2,65kg, dày mỡ lưng tại điểm P_2 đạt 14,40mm và tỷ lệ nạc đạt 56,17%.

Tóm lại, từ những kết quả bước đầu này cho thấy Trung tâm Nghiên cứu Lợn Thụy Phương đã tạo chọn được lợn LRYSMS có tiềm năng sinh trưởng tốt, từ đó từng bước Trung tâm tiếp tục chọn lọc để ổn định về di truyền và trong tương lai chắc chắn sẽ tạo được dòng lợn nái tốt trong hệ thống giống lợn Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả ngành chăn nuôi lợn của nước ta.